

Số: 3105/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/6/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao;

Chỉ thị 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia;

Thông tư số 21/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ Lao động - TB&XH phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025;

Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 20/11/2019 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, về việc xây dựng đội ngũ tri thức và trọng dụng nhân tài tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Thông báo số 271/TB-UBND ngày 01/11/2021 về Kết quả phiên họp UBND tỉnh tháng 10 năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 166/TTr-SLĐTBXH ngày 02/11/2021 về việc phê duyệt Đề án Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của

doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

(Có Đề án kèm theo)

Điều 2. Căn cứ Đề án Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, yêu cầu Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan của tỉnh, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện Đề án theo thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan liên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Việt Văn

ĐỀ ÁN

**“ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TRONG GIÁO DỤC
NGHỀ NGHIỆP ĐÁP ỨNG NHU CẦU CỦA DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA
BÀN TỈNH VĨNH PHÚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3105 /QĐ-UBND
ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh)*

PHẦN I: SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong thời đại công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế mạnh mẽ như hiện nay việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực nói chung, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao được xem là một trong ba khâu đột phá quan trọng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là nền tảng để phát triển bền vững và phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh của một quốc gia nói chung và của một địa phương nói riêng. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã đề ra những nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước giai đoạn 2021- 2030, trong đó “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài” là các đột phá chiến lược.

Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn kết với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ là phát triển lợi thế cạnh tranh. Trong khi các loại nguyên liệu, năng lượng, tài nguyên không tái tạo khan hiếm dần là một thách thức đối với hầu hết các quốc gia, đặt ra yêu cầu vừa tạo điều kiện cho việc thay đổi mô hình phát triển, từ chủ yếu dựa vào tăng vốn đầu tư, khai thác các tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực rẻ nhưng chất lượng thấp sang sự phát triển dựa vào các nhân tố năng suất tổng hợp bao gồm khả năng áp dụng các thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực và kỹ năng quản lý hiện đại.

Tỉnh Vĩnh Phúc đã quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2011- 2020 và đã đạt được một số kết quả nhất định. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phát triển nhân lực của tỉnh trong thời gian qua cũng còn có nhiều những bất cập như: Lực lượng lao động, trình độ đào tạo mất cân đối giữa các ngành nghề; thiếu lao động kỹ thuật lành nghề, thiếu đội ngũ chuyên

gia để phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn. Trong khi đó, các doanh nghiệp trong tỉnh yêu cầu ngày càng cao về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực.

Từ thực trạng nêu trên, để tạo lợi thế cạnh tranh thì Tỉnh cần thiết phải nghiên cứu, xây dựng đề án: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030”.

II. CĂN CỨ LẬP ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý

Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019;

Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014;

Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015

Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/6/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao;

Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm;

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong giáo dục, đào tạo.

Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Chỉ thị 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia;

Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020”, Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh bổ sung Đề án “Phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2025”;

Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025;

Thông tư số 21/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Nghị quyết số 01/NQ-ĐH XVII ngày 16/11/2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025;

Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 20/11/2019 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, về việc xây dựng đội ngũ tri thức và trọng dụng nhân tài tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025;

Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/3/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về nâng cao thu nhập và phúc lợi của người dân Vĩnh Phúc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021- 2025.

Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách đặc thù xây dựng đội ngũ tri thức và thu hút, trọng dụng người có tài năng tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021- 2025.

2. Cơ sở thực tiễn

Đề án được xây dựng trên cơ sở những vấn đề thực tế đã và đang đặt ra đối với chất lượng nguồn nhân lực của Tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Các cơ sở thực tiễn để xây dựng đề án bao gồm:

2.1. Xu thế phát triển kinh tế thế giới

Kinh tế tri thức là xu thế tất yếu của thế kỷ 21, xã hội loài người bước vào giai đoạn công cụ lao động chính mang lại giá trị cao là sản phẩm vô hình của trí tuệ, tri thức và sức sáng tạo trở thành nguồn lực chính thúc đẩy kinh tế phát triển, đó là một trong những nhân tố để thời đại này được gọi là “thời đại kinh tế tri thức”. Đối với một địa phương khi đối mặt với yêu cầu và thách thức của thời đại kinh tế tri thức, thì cần thiết phải tập trung vào phát triển nguồn nhân lực trong đó nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò chủ yếu.

Sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ trong hai thập kỷ đầu tiên của thế kỷ 21 chính là những nền tảng then chốt tạo nên những cú huých của sự tăng trưởng và phát triển. Năng suất lao động và của cải vật chất của toàn xã hội đã được tăng lên theo cấp số nhân. Những đột phá về công nghệ sẽ làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất và kinh doanh, kéo theo hàng loạt những thay đổi về mô hình tổ chức, quản lý và dịch vụ. Như là một hệ quả, chúng ta sẽ ngày càng phải đối mặt với nghịch lý của thị trường lao động: tỷ lệ

thất nghiệp tăng cao (đối với nhóm lao động tay nghề thấp) đồng thời khan hiếm nguồn lực lao động tay nghề cao.

2.2. Các xu hướng thay đổi ở nước ta hiện nay

Theo báo cáo của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) năm 2016, Việt Nam có 70% lao động trong các ngành nghề sản xuất có nguy cơ cao mất việc dưới tác động của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Trong khi đó, nhân lực có thể làm chủ công nghệ, vận hành máy móc, dây chuyền sản xuất phải là các nhân lực chất lượng cao, nhân lực khoa học công nghệ thì hiện nay vẫn còn rất hạn chế.

Ở nước ta hiện nay đang phát triển mô hình cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong đó chuyển từ bao cấp nhà nước sang tự chủ và cạnh tranh. Các địa phương trong cả nước cũng phải cạnh tranh để thu hút các nguồn lực đầu tư, góp phần phát triển kinh tế xã hội. Một trong các yếu tố quan trọng trong chiến lược thu hút đầu tư và các nguồn lực phát triển khác đó là yếu tố chất lượng nguồn nhân lực. Số lượng, chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh là yếu tố quan trọng để thu hút các nhà đầu tư, cũng là nguồn lực quan trọng nhất của sự sáng tạo và đổi mới phù hợp với sự phát triển của xã hội.

2.3. Định hướng phát triển của tỉnh Vĩnh Phúc

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, Vĩnh Phúc là tỉnh công nghiệp phát triển, với một trong các nhiệm vụ trọng tâm là “Thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao” và “Tập trung xây dựng cơ chế chính sách đặc thù, giải phóng các nguồn lực đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội theo nguyên tắc hiệu quả, bền vững. Trong đó, ưu tiên thu hút phát triển cụm ngành công nghiệp điện tử công nghệ cao, đưa Vĩnh Phúc trở thành một trung tâm công nghiệp điện tử của cả nước” là một trong những khâu đột phá.

3. Một số khái niệm

3.1. Nguồn nhân lực

Theo tổ chức lao động quốc tế: nguồn nhân lực của một quốc gia là toàn bộ những người trong độ tuổi có khả năng tham gia lao động. Ngân hàng thế giới cho rằng “nguồn nhân lực là toàn bộ vốn con người, bao gồm thể lực, trí lực, kỹ năng nghề nghiệp của mỗi cá nhân”. Như vậy, theo cách thứ nhất nhìn nhận về số lượng, nguồn nhân lực là nguồn cung cấp sức lao động cho sự phát triển xã hội, là tổng số những người trong độ tuổi lao động theo quy định của nhà nước và thời gian lao động họ có thể tham gia. Cách thứ hai, nhìn nhận về chất lượng, nguồn nhân lực là tổng thể các yếu tố về thể lực, trí lực, trình độ chuyên môn, trình độ lành nghề của người lao động. Đề án này tiếp cận khai niệm nguồn nhân lực theo các thứ hai.

3.2. Nguồn nhân lực chất lượng cao

Những người được coi là thuộc nguồn nhân lực chất lượng cao của một tổ chức, doanh nghiệp và xã hội là những cá nhân có kỹ năng nghề nghiệp phức tạp hơn các công nhân, nhân viên bình thường, là nguồn nhân lực được đào tạo chuyên sâu để đáp ứng được yêu cầu khắt khe về chất lượng đào tạo và tay nghề của thị trường lao động hiện nay, và với nguồn nhân lực chất lượng cao thường có mức lương tốt hơn nguồn nhân lực có chất lượng lao động ở mức cơ bản nhất;

Theo quan điểm của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động, Thương binh và xã hội, nguồn nhân lực chất lượng cao trong GDNN là nguồn nhân lực phải đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động (yêu cầu của các doanh nghiệp trong và ngoài nước), đó là: có kiến thức chuyên môn; có kỹ năng, kỹ thuật, tìm và tự tạo việc làm, làm việc an toàn, làm việc hợp tác; có thái độ, tác phong làm việc tốt, trách nhiệm với công việc. Nguồn nhân lực chất lượng cao trong GDNN phải là những con người phát triển cả về trí lực và thể lực, cả về khả năng lao động, về đạo đức, tình cảm trong sáng.

Như vậy trong đề án này, nhân lực chất lượng cao là những người được đào tạo với chuẩn đầu ra đạt các tiêu chí sau:

- Kỹ năng nghề¹: học sinh, sinh viên tốt nghiệp hệ trung cấp nghề đạt bậc 2/5, hệ cao đẳng nghề đạt bậc 3/5 của tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia;

- Năng lực ngoại ngữ²: người học khi tốt nghiệp ra trường phải đạt bậc 2/6 ở trình độ trung cấp, bậc 3/6 ở trình độ cao đẳng theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương; riêng với nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài phải đạt bậc 4/6;

- Năng lực về công nghệ thông tin của người học những ngành, nghề không thuộc nhóm ngành, nghề công nghệ thông tin và máy tính phải đạt tối thiểu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

PHẦN II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC, NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỈNH VĨNH PHÚC GIAI ĐOẠN 2016-2020

¹ Theo quy định tại Quyết định số 761/QĐ-TTg và Thông tư số 21/2018/TT-BLĐTBXH

² Theo hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tại văn bản số 602/SGDĐT-GDPT ngày 22/5/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc: Chứng chỉ Tiếng Anh bậc 2/6 tương đương với A2 Khung tham chiếu châu Âu, 3.0-4.0 IELTS, 300-390 điểm TOEIC; Chứng chỉ Tiếng Anh bậc 3/6 tương đương với B1 Khung tham chiếu châu Âu, 4.0-5.0 IELTS, 400-450 điểm TOEIC.

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

Công tác đào tạo nguồn nhân lực, nhân lực chất lượng cao được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh quan tâm triển khai thường xuyên, phù hợp với từng giai đoạn. Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 15/6/2016 về thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW ngày 06/6/2014 của Ban Bí thư khoa XI “về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao”; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND;

Trên cơ sở định hướng của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 14/9/2020 triển khai thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng xuất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới.

II. THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG NHÂN LỰC KHỐI DOANH NGHIỆP CỦA TỈNH VĨNH PHÚC GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Thực trạng nhân lực chất lượng cao của khối doanh nghiệp trong khu công nghiệp (KCN)

Tính đến hết năm 2020, trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc có 18 KCN được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục quy hoạch với quy mô 5.228 ha, đã có 09 KCN được thành lập và cấp GCNĐT/GCNĐKĐT. Tổng diện tích đất quy hoạch là 1.842,62 ha, trong đó đất công nghiệp theo quy hoạch 1.340,11 ha; số dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong các KCN còn hiệu lực đạt 367 dự án, gồm 58 dự án đầu tư trong nước (DDI) với tổng vốn đầu tư đăng ký là 7.279,297 tỷ đồng và 309 dự án đầu tư nước ngoài (FDI) với tổng vốn đầu tư 4.391,03 triệu USD. Tổng số dự án đang hoạt động SXKD trong các KCN là 313 dự án (40 dự án trong nước và 273 dự án FDI).

Tình hình lao động trong các KCN:

Tính đến ngày 31/12/2020 các doanh nghiệp đang hoạt động trong các KCN sử dụng 92.887 lao động trong nước và 1.483 lao động nước ngoài, được chia ra như sau:

- Số lao động Việt Nam chia theo từng KCN như sau: KCN Khai Quang là 43.487 người; KCN Bình Xuyên là 11.741 người; KCN Bình Xuyên II là 7.468 người; KCN Bá Thiện 13.719 người; KCN Bá Thiện II 15.029 người; KCN Tam Dương II-Khu A 756 người; KCN Thăng Long Vĩnh Phúc 687 người. Số lao động trong nước thuộc khối FDI là 89.617 người, trong đó số lao động trong tỉnh là 63.430 người; số lao động nữ là 63.299 người; Số lao động trong nước thuộc khối DDI là 3.270 người, trong đó số lao động trong tỉnh là 2.518 người; số lao động nữ là 766 người.

+ *Cơ cấu lao động trong các KCN*: Tổng số lao động 92.887 người (Năm 2016 có 73.271 người); cơ cấu lao động trong các KCN trên địa bàn tỉnh như sau: Lao động trong tỉnh 65.948 người, chiếm 71% (Năm 2016 có 54.710 người); lao động ngoài tỉnh 26.939 người, chiếm 29% (Năm 2016 có 46.915 người); lao động nữ 58.881 người, chiếm 63,39%; lao động nam 34.006 người, chiếm 36,61%; lao động đã qua đào tạo 50.327 người, chiếm 54%.

+ *Trình độ đào tạo*: Lao động có trình độ đại học, đại học trở lên 6.869 người, chiếm 13,65% (Năm 2016 có 7,8%); lao động có trình độ cao đẳng/cao đẳng nghề 5.238 người, chiếm 10,41% (Năm 2016 có 6,0%); lao động có trình độ trung cấp/trung cấp nghề 3.786 người, chiếm 7,52% (Năm 2016 có 7,1%); Lao động có trình độ sơ cấp nghề 4.578 người, chiếm 9,10% (Năm 2016 có 3,0%); lao động qua đào tạo nghề tại doanh nghiệp (đào tạo thường xuyên) 29.856 người, chiếm 59,32% (Năm 2016 có 25,1%); Lao động chưa qua đào tạo: 42.560 người, chiếm 46% (Năm 2016 có 51,0%).

Nhóm ngành may mặc, lực lượng lao động có chuyên môn, kỹ thuật có xu hướng già hóa do ít bạn trẻ tham gia học ngành này; Nhóm ngành điện, điện tử nhiều vị trí tuyển dụng lao động kỹ thuật gặp khó khăn do hạn chế nguồn ứng viên, do đó doanh nghiệp phải tuyển và sử dụng chuyên gia nước ngoài; Nhóm ngành cơ khí chế tạo, lao động có tay nghề thường có xu hướng nhảy việc do nguồn cung lao động tay nghề cao hạn chế, người lao động lựa chọn các doanh nghiệp có lương, thưởng cao.

2. Thực trạng nhân lực chất lượng cao của khối doanh nghiệp ngoài KCN

- Năm 2020 trên địa bàn toàn tỉnh có 4.428 doanh nghiệp; phân bố ở các huyện, thành phố: Bình Xuyên 634 doanh nghiệp, Yên Lạc 370 doanh nghiệp, Vĩnh Tường 495 doanh nghiệp, Phúc Yên 631 doanh nghiệp, Sông Lô 76 doanh nghiệp, Lập Thạch 208 doanh nghiệp, Tam Dương 283 doanh nghiệp, Tam Đảo 146 doanh nghiệp, Vĩnh Yên 1.585 doanh nghiệp.

Số lao động trong nước hiện đang sử dụng 115.873 người và 933 lao động là người nước ngoài; số lao động trong tỉnh 109.083 người, chiếm 94,14% lao động trong nước, lao động ngoài tỉnh 6.790 người, chiếm 5,86% lao động trong nước; Lao động chưa qua đào tạo 42.336 lao động, chiếm 36,54%; Lao động đã qua đào tạo 73.537 lao động, chiếm 63,46%.

- *Trình độ đào tạo*: Trình độ đại học trở lên 14.480 người, chiếm 19,69% (Năm 2016 có 13,7%); trình độ cao đẳng 10.784 người, chiếm 14,66% (Năm 2016 có 9,0%); trình độ trung cấp 11.396 người, chiếm 15,5% (Năm 2016 có 12%); trình độ sơ cấp 7.909 người, chiếm 10,76% (Năm 2016 có 6,2%); công nhân kỹ thuật không bằng 28.964 người, chiếm 39,39% (Năm 2016 có 23,8%).

Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn thấp (lao động chưa qua đào tạo chiếm tới 36,54%). Phần lớn lao động xuất

thân từ nông thôn, nông nghiệp, mang nặng tác phong sản xuất của một nền nông nghiệp, tác phong công nghiệp chưa cao. Trình độ ngoại ngữ chưa cao nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình chuyển giao công nghệ và sản xuất. Các doanh nghiệp mới đi vào hoạt động tuy tạo nhiều việc làm, nhưng chủ yếu là lao động nữ, giản đơn, tuổi đời còn trẻ từ 18-30, gây mất cân đối cung cầu lao động cục bộ và khó khăn trong tuyển dụng lao động đối với chính các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

III. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC, NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỈNH VĨNH PHÚC GIAI ĐOẠN 2016-2020

- Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh: Trên địa bàn tỉnh có 36 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp gồm 07 trường cao đẳng, 03 trường trung cấp, 13 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 07 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện và 06 cơ sở khác có hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc có 06 trường cao đẳng được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm, gồm: Trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc, Trường Cao đẳng Cơ khí Nông nghiệp, Trường Cao đẳng nghề Việt Xô số 1, Trường Cao đẳng nghề số 2- BQP, Trường Cao Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại với 18 ngành/ngành, gồm Cắt gọt kim loại, Hàn, Điện tử công nghiệp, Điện công nghiệp, Cơ điện tử, Công nghệ ô tô, Quản trị mạng máy tính, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Quản trị lễ tân, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính, Vận hành máy thi công nền, Sửa chữa máy thi công xây dựng, Kỹ thuật máy nông nghiệp, Truyền thông và mạng máy tính. Đó là những ngành, nghề chủ đạo, cần nhiều lao động có trình độ kỹ năng nghề cao của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trong đó, các đơn vị triển khai thực hiện đào tạo nghề trọng điểm chất lượng cao gồm 05 trường cao đẳng (02 trường thuộc tỉnh: Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc, Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật; 03 trường thuộc các Bộ, ngành đóng trên địa bàn tỉnh: Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp, Cao đẳng nghề Việt Xô số 1, Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại).

- Quy mô tuyển sinh GDNN: Tổng quy mô tuyển sinh hàng năm được cơ quan có thẩm quyền cấp cho các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh là 47.175 người, trong đó: trình độ cao đẳng có 45 nghề với 4.700 người, tỷ lệ 9,9 %; trình độ trung cấp có 72 nghề với 8.335 người, tỷ lệ 17,7%; trình độ sơ cấp 139 nghề với 34.140 người, tỷ lệ 72,4%.

- Kết quả tuyển sinh đào tạo:

+ Đào tạo đại trà: Giai đoạn 2016-2020, tuyển sinh được 142.226 người; trung bình hàng năm tuyển sinh được 28.445 người. Trong đó: Trình độ cao đẳng 5.764 người, tỷ lệ 4,05%; trình độ trung cấp 26.878 người, tỷ lệ 18,89 %; trình độ sơ cấp 109.584 người, tỷ lệ 77,06 %.

(Có phụ lục số 01 kèm theo)

Tỷ lệ học sinh, sinh viên tìm được việc làm sau tốt nghiệp đạt trên 80%, với mức lương trung bình từ 5,5 đến 7,0 triệu đồng/tháng (bằng 1,4 đến 1,8 lần lương tối thiểu vùng II, 3,92 triệu đồng); Mức thu nhập phổ biến từ 10 - 12 triệu đồng/tháng.

+ Đào tạo chương trình chất lượng cao:

Đào tạo thí điểm theo chương trình chuyển giao: Từ năm 2016 Bộ Lao động - TB&XH lựa chọn triển khai đào tạo thí điểm theo chuẩn quốc tế trình độ cao đẳng do Úc, Pháp, Đức và Nhật bản chuyển giao tại Trường cao đẳng nghề Vĩnh Phúc, Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp, trường Cao đẳng nghề Việt Xô số 1, trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại. Các trường tham gia đào tạo ở 05 nghề Điện tử công nghiệp (70 sinh viên); Công nghệ ô tô (38 sinh viên); cắt gọt kim loại (36 sinh viên); Điện công nghiệp (36 sinh viên), Hàn (34 sinh viên). Đã có 106 sinh viên tốt nghiệp và 100% sinh viên tốt nghiệp có việc làm ngay, sinh viên được các đơn vị tuyển dụng đánh giá cao.

(Có phụ lục số 02 kèm theo)

Đào tạo chương trình chất lượng cao theo Thông tư số 21/2018/TT-LĐT&XH: hiện có trường Cao đẳng Cơ khí Nông nghiệp đã tuyển sinh đào tạo được 02 khóa đào tạo cho 236 sinh viên (khóa học 2019-2022 tuyển sinh được 107 sinh viên, khóa học 2020-2023 tuyển sinh được 129 sinh viên). Các trường Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc, Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật Vĩnh Phúc, Cao đẳng nghề Việt Xô số 1, Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại mới hoàn thiện việc xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao, triển khai tuyển sinh đào tạo chương trình chất lượng cao từ năm học 2021-2022 với quy mô tuyển sinh hàng năm dự kiến ở mỗi trường từ 15-20 sinh viên/ngành;

(Có phụ lục số 02a kèm theo)

Trong những năm vừa qua, sinh viên học các nghề theo các chương trình chuyển giao từ Pháp, Úc và Đức được các doanh nghiệp đánh giá có tay nghề, kỹ năng tốt, đáp ứng được yêu cầu sản xuất thực tế tại doanh nghiệp, 100% sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm đúng ngành nghề, được bố trí làm ở các vị trí kỹ thuật, bộ phận cải tiến sản xuất, với mức lương trung bình từ 10 đến 12 triệu đồng/tháng (bằng 2,55 đến 3,1 lần lương tối thiểu vùng II), đặc biệt một số sinh viên nghề Điện tử công nghiệp đào tạo theo chương trình của Úc có trình độ tiếng Anh B1 đạt mức lương 18 triệu đồng/tháng; Mức thu nhập phổ biến từ 14 - 17 triệu đồng/tháng, có một số em thu nhập trên 27 triệu đồng/tháng.

- Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý:

+ Tổng số các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh năm 2020 có 1.966 giáo viên giáo dục nghề nghiệp, trong đó trình độ trên đại học 672 người, chiếm 34,2%; Trình độ đại học 716 người, chiếm 36,4%; trình độ cao đẳng 124 người, chiếm 6,3%; trình độ trung cấp 270 người, chiếm 13,7%; trình độ khác 184 người, chiếm 9,4%.

+ Giai đoạn từ năm 2016-2020: Bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề cho 319 giáo viên. Trong đó Nghề Công nghệ ô tô 40 người; Nghề Hàn: 39 người, nghề Cắt gọt kim loại 40 người, nghề Công nghệ thông tin 40 người, nghề Điện tử công nghiệp 40 người, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí 40 người, nghề Điện công nghiệp 40 người, Nghề Điện dân dụng 40 người.

+ Tổng số giáo viên dạy chương trình đào tạo nghề chất lượng cao có 362 người, trong đó về trình độ chuyên môn trên đại học 286 người, chiếm 79%; trình độ đại học 75 người, chiếm 21%. Về kỹ năng nghề, 208 người có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, chiếm 57,5%, chứng chỉ kỹ năng nghề quốc tế 50 người, chiếm 13,8%. Về ngoại ngữ, Tiếng Anh có 264 người, chiếm 72,9% đạt chuẩn; Ngoại ngữ khác 04 người, chiếm 1,1%.

(Có phụ lục số 03 kèm theo)

So với tiêu chí nhà giáo dạy chương trình đào tạo nghề chất lượng cao, trong số 362 nhà giáo hiện có còn 75 người (chiếm 21%) chưa đạt chuẩn trình độ chuyên môn dạy chương trình chất lượng cao trình độ cao đẳng, còn 104 người (chiếm 28,7%) cần bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề và 94 người (chiếm 26%) cần bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ.

- Công tác xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo:

+ Diện tích đất của các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh 119,8 ha, trong đó: Cơ sở thuộc trung ương quản lý 70,6 ha, bình quân đạt 7,06 ha/cơ sở; cơ sở địa phương quản lý 49,2ha bình quân 1,26 ha/cơ sở. Số lượng, diện tích phòng học lý thuyết, xưởng thực hành của các cơ sở phù hợp với nghề, quy mô và trình độ đào tạo.

+ Đầu tư thiết bị đào tạo: Giai đoạn 2016-2020 cùng với đầu tư thiết bị đào tạo nguồn kinh phí trung ương dành cho đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg và nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã chủ động báo cáo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đầu tư thiết bị đào tạo cho các cơ sở GDNN thuộc tỉnh. Giai đoạn 2016-2020, Vĩnh Phúc đầu tư cho các cơ sở GDNN thuộc tỉnh 176.451 triệu đồng. Trong đó ngân sách trung ương 44.000 triệu đồng và ngân sách tỉnh trên 132.451 triệu đồng;

(Có phụ lục số 04 kèm theo)

Qua triển khai đào tạo thí điểm chương trình chuyển giao, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của các ngành nghề tham gia thí điểm đào tạo được tăng cường, đồng bộ, hiện đại, bảo đảm đáp ứng theo quy định các nước chuyển giao.

Với các nghề chất lượng cao thực hiện theo Thông tư số 21/2018/TT-BLĐTBXH, cơ sở vật chất hiện có của các trường cơ bản đáp ứng khoảng 80% nhu cầu đào tạo. Tuy nhiên, phần mềm số hóa, mô phỏng hóa trong đào tạo chưa được đầu tư, gây áp lực trong việc giảng dạy để đáp ứng nhu cầu sử dụng tương xứng với quy mô đào tạo và đào tạo trực tuyến trong thời gian giãn cách do dịch bệnh.

- Chính sách hỗ trợ người học:

Chính sách hỗ trợ theo học phí đối với công tác đào tạo nghề được thực hiện theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 và Nghị quyết số 207/2015/NQ-HĐND, Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Kết quả:

+ Đã thẩm định và cấp kinh phí theo Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND cho 22.141 người với tổng kinh phí trên 15.379 triệu đồng; Năm 2021, dự kiến thẩm định và cấp kinh phí hỗ trợ học nghề cho 11.797 người với tổng kinh phí là 5.558,19 triệu đồng.

+ Hỗ trợ đào tạo nghề sơ cấp và dưới 3 tháng theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2016-2020 hỗ trợ đào tạo cho 5.498 lao động nông thôn, kinh phí trên 20.941 triệu đồng.

IV. DỰ BÁO NHU CẦU ĐÀO TẠO, TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG CHẤT LƯỢNG CAO CỦA CÁC DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Nhu cầu tuyển dụng lao động

- *Nhu cầu tuyển dụng lao động giai đoạn 2021-2025 của các doanh nghiệp 86.648 người. Chia theo trình độ:*

+ Lao động qua đào tạo có chuyên môn, kỹ thuật năm 2021: 2.324 người, giai đoạn 2021-2025: 14.316 người (bình quân 2.863 người/năm).

+ Lao động phổ thông năm 2021: 12.776 người, giai đoạn 2021-2025: 72.648 người (bình quân 14.530 người/năm).

- Qua khảo sát, điều tra nhận thấy nhu cầu tuyển dụng lao động có chuyên môn, kỹ thuật trong giai đoạn 2021-2025 của các doanh nghiệp tập trung chủ yếu vào các nhóm ngành/ngành Kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật cơ khí; Máy tính và công nghệ thông tin, cụ thể: Nhóm nghề Kỹ thuật điện, điện tử: 3.177 người; Nhóm nghề Kỹ thuật cơ khí: 3.084 người; Nhóm nghề Máy tính và công nghệ thông tin: 1.479 người.

2. Nhu cầu lao động đào tạo nghề

- Nhu cầu đào tạo đại trà:

Nguồn nhân lực vào học các chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp chủ yếu là học sinh tốt nghiệp THCS, người vào học trình độ cao đẳng là học sinh tốt nghiệp THPT và tốt nghiệp chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT + Trung cấp.

Dự kiến giai đoạn 2021-2025 mỗi năm có từ 18.500 đến 19.500 học sinh tốt nghiệp THCS, từ 10.000 đến 11.000 học sinh tốt nghiệp THPT. Theo định hướng phân luồng học sinh của tỉnh, dự báo hàng năm có khoảng 2.000 đến 2.400 học sinh tốt nghiệp THPT vào học cao đẳng, trung cấp và khoảng 5.000 đến 7.000 học sinh tốt nghiệp THCS vào học trung cấp và chương trình GDTX cấp THPT + trung cấp ba năm.

(Có phụ lục 05, 06 kèm theo)

- Nhu cầu đào tạo chất lượng cao:

Trong số học sinh vào học cao đẳng, lựa chọn những học sinh bảo đảm tiêu chí vào học chương trình chất lượng cao để phân đầu đào tạo khoảng 2.915 người (bình quân mỗi năm khoảng trên 583 người). Trong đó Nhóm ngành/ngành công nghiệp 2.660 người (bình quân mỗi năm khoảng gần 532 người); Nhóm ngành/ngành nông nghiệp 165 người (bình quân mỗi năm 33 người); Nhóm ngành/ngành du lịch dịch vụ 90 người (bình quân mỗi năm khoảng 18 người).

(Có phụ lục 07 kèm theo)

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Trong nhiều năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, cùng sự nỗ lực của các cấp, các ngành, nhiều giải pháp phát triển nguồn nhân lực đã được triển khai đồng bộ, tạo bước đột phá đáng kể về chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh hiện nay, cụ thể như:

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp dần được nâng cao. Mạng lưới các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh tương đối đa dạng về loại hình, trình độ, ngành nghề đào tạo. Công tác tuyển sinh, đào tạo sơ cấp, trung cấp, cao đẳng thực hiện linh hoạt với nhiều hình thức phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu học nghề của người lao động. Đội ngũ nhà giáo phát triển cả về số lượng và chất lượng từng bước được chuẩn hóa. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo từng bước được quan tâm đầu tư đầu tư tương đối đồng bộ.

Qua 5 năm, từ năm 2016 đến 2020, số lao động trong doanh nghiệp qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ sơ cấp tăng rõ rệt; Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 ước đạt 76%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ ước đạt 33,4%.

Chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng được quan tâm của các cấp chính quyền của tỉnh. Đặc biệt là sự ra đời của Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 20/11/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng đội ngũ trí thức và trọng dụng nhân tài tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025 và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách đặc thù xây dựng đội ngũ trí thức và thu hút, trọng dụng người có tài năng tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021- 2025 sẽ thu hút được người có tài năng về công tác tại cơ sở GDNN thuộc tỉnh.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa phân bố hợp lý giữa các địa phương, hiện tập trung chủ yếu tại thành phố Vĩnh Yên, thành phố Phúc Yên, một số huyện chưa có hoặc có ít cơ sở giáo dục nghề nghiệp không thuận lợi cho việc học nghề của người dân. Hoạt động tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cũng còn hạn chế, với tỷ lệ tuyển sinh đạt mức 60,3% so với quy mô có thể đào tạo.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị của một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc tỉnh chưa đáp ứng nhu cầu thực hành, thực tập tay nghề của người học; Đối với trường đầu tư trở thành trường nghề chất lượng cao đã được đầu tư từ nguồn kinh phí Trung ương (Chương trình MTQG) và nguồn kinh phí tỉnh, tuy nhiên sau nhiều năm đầu tư (từ năm 2011), thiết bị đã xuống cấp, lạc hậu so với thiết bị đào tạo của các nước trong khu vực và thực tế sản xuất tại doanh nghiệp.

- Trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề của đội ngũ giáo viên các ngành nghề trọng điểm còn nhiều hạn chế;

- Chất lượng nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp còn ở mức thấp, số lao động có trình độ trung cấp và cao đẳng nghề còn ít; số lượng lao động qua đào tạo còn hạn chế, thiếu một số kỹ năng theo yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, ý thức, tác phong công nghiệp chưa cao.

- Trình độ ngoại ngữ của lao động trên địa bàn tỉnh chưa cao nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình chuyển giao công nghệ và sản xuất, đặc biệt là trong các doanh nghiệp có vốn nước ngoài.

- Việc khảo sát, thu thập số liệu về nhu cầu tuyển dụng lao động, lao động có tay nghề của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do doanh nghiệp chưa thực hiện nghiêm quy định về báo cáo nhu cầu tuyển dụng lao động với cơ quan quản lý nhà nước và việc sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được thay đổi linh hoạt cho phù hợp với điều kiện thực tế nên chính doanh nghiệp cũng khó khăn trong dự báo nhu cầu lao động dài hạn.

- Việc kết nối giữa Trung tâm Dịch vụ việc làm của tỉnh với hệ thống Trung tâm Dịch vụ việc làm trong vùng và toàn quốc, giữa Trung tâm dịch vụ việc làm với người lao động, người sử dụng lao động, giữa Trung tâm Dịch vụ

việc làm tỉnh với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giữa Trung tâm Dịch vụ việc làm với các cơ quan nhà nước có liên quan, còn hạn chế, chưa hiệu quả.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Các tồn tại hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, tuy nhiên các nguyên nhân chủ yếu như sau:

Thứ nhất, công tác khảo sát chính thức hàng năm để đưa ra các dự báo về nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao chưa được thực hiện; chưa có quy hoạch các cơ sở GDNN để có phương hướng đầu tư nguồn lực dài hạn và đồng bộ để nâng cấp cả về cơ sở vật chất, về nhân lực, mà việc đầu tư hiện tại mang tính nhỏ lẻ và chưa tạo ra sự thay đổi đột phá.

Thứ hai, do chưa có chiến lược đầu tư đồng bộ để tạo ra các cơ sở đào tạo chất lượng cao ngang tầm cả nước và khu vực nên chưa có bước chuyển mạnh mẽ cả về chương trình đào tạo, về trình độ giáo viên và cơ sở vật chất để đáp ứng được yêu cầu của nhân lực trình độ cao nhất là trong bối cảnh công nghiệp 4.0 hiện nay.

Thứ ba, các chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài của tỉnh đã phát huy tác dụng trong lĩnh vực cán bộ, công chức khối nhà nước, tuy nhiên, để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng các yêu cầu của doanh nghiệp thì cần có thêm các chính sách khác phù hợp hơn.

Thứ tư, các trung tâm giới thiệu việc làm chưa phát huy được hết vai trò trong việc kết nối giữa cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp, cung cấp thông tin về nhu cầu nhân lực để từ đó làm cơ sở cho công tác quy hoạch và dự báo sát với thực tế.

PHẦN III

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA CÁC DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. QUAN ĐIỂM

- Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững.

- Đầu tư phát triển trường nghề chất lượng cao, phát triển nhân lực, nhân lực chất lượng cao về số lượng, chất lượng và cơ cấu ngành nghề là yếu tố then chốt, có ý nghĩa quyết định và là một trong những động lực quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững; là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng tối đa yêu cầu của các doanh nghiệp trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 và hội nhập quốc tế; cải thiện

năng suất lao động góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, của địa phương.

- Phát triển nhân lực gắn liền giải quyết việc làm và phát huy có hiệu quả nguồn nhân lực qua đào tạo.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc từng bước đủ về số lượng; có cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn phù hợp; có khả năng làm chủ công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm; chủ động, sáng tạo trong công việc đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhanh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2021-2025

2.1. Về Giáo dục nghề nghiệp

- Phát triển ngành nghề, quy mô đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh đáp ứng quy mô tăng học sinh, giai đoạn 2021-2025 bình quân mỗi năm có khoảng 19.000 học sinh tốt nghiệp THCS. Trong đó, gần 8.000 học sinh vào học trung cấp hoặc học chương trình GDTX cấp THPT+ Trung cấp.

- Đào tạo nghề nghiệp cho 125 nghìn lao động, bình quân mỗi năm đào tạo 25 nghìn lao động. Tập trung đào tạo các ngành: Công nghiệp xây dựng: bình quân mỗi năm đào tạo cho 7.500 người chiếm 30%; Du lịch: bình quân mỗi năm đào tạo cho 6.250 người chiếm 25%; nông nghiệp, thủy sản: bình quân mỗi năm đào tạo cho 2.500 người chiếm 10%; Dịch vụ: bình quân mỗi năm đào tạo cho 8.750 người chiếm 35%.

- Đào tạo chất lượng cao: Từng bước triển khai đào tạo chất lượng cao, phấn đấu đào tạo cho 2.915 người, mỗi năm tuyển sinh 583 người học ở 17 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng chất lượng cao. Trong đó, nhóm ngành công nghiệp 2.660 người, nhóm ngành nông nghiệp 165 người, nhóm ngành du lịch dịch vụ 90 người (***Chi tiết các ngành nghề đào tạo tại phụ lục 07 kèm theo***).

- Bồi dưỡng ngoại ngữ và kỹ năng nghề cho giáo viên, giảng viên dạy nghề trọng điểm, chất lượng cao tiếp cận trình độ ASEAN và quốc tế;

- Tập trung đầu tư cho 1-2 trường cao đẳng của tỉnh đạt chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao; thu hút người có tài năng về công tác tại các trường cao đẳng thuộc tỉnh theo Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2.2. Về giải quyết việc làm

- Tạo việc làm tăng thêm từ 80.000-85.000 việc làm mới (Bình quân mỗi năm 16.000-17.000 người). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt 82%, trong đó lao động qua đào tạo được cấp bằng, cấp chứng chỉ đạt 40%.

- Phấn đấu đến năm 2025 có 40% lao động được hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm tư vấn, giới thiệu có việc làm. Hàng năm, tổ chức từ 24-26 phiên giao dịch việc làm cố định, lưu động hoặc online; tư vấn về việc làm, xuất khẩu lao động, đào tạo nghề, chính sách, pháp luật lao động, chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho 40.000-50.000 lượt người; Giới thiệu việc làm cho 11.500-12.500 người; cung ứng lao động bình quân 6.800-8.000 lao động/năm cho các doanh nghiệp trong tỉnh.

3. Định hướng đến năm 2030

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm mới đảm bảo về số lượng, chất lượng, đáp ứng tốt yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tạo lợi thế để thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh bền vững; đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

III. NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN

1. Xây dựng các định hướng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp

Trên cơ sở quy hoạch phát triển tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, xây dựng định hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường nghề chất lượng cao, ngành nghề đào tạo, ngành nghề trọng điểm, mạng lưới trung tâm dịch vụ việc làm.

2. Đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu lao động của doanh nghiệp

Đây là nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện để đảm bảo đáp ứng nhu cầu chất lượng cao của các doanh nghiệp góp phần tăng sức cạnh tranh của tỉnh trong vấn đề thu hút đầu tư, nâng cao sức mạnh các doanh nghiệp đóng góp vào sự phát triển của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030. Các nhiệm vụ cụ thể bao gồm:

- Thực hiện có hiệu quả xã hội hóa đầu tư xây dựng và phát triển các trường học chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo. Phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với doanh nghiệp, thị trường lao động, phát triển khoa học công nghệ và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Tăng cường hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế để đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu xây dựng chính sách thu hút và đãi ngộ đối với đội ngũ nhân lực chất lượng cao phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, tạo môi trường làm việc thuận lợi để hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia đầu ngành cho tỉnh.

- Đẩy mạnh hợp tác 04 bên Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp- Người dân; đa dạng hóa các hình thức đào tạo, các hình thức tư vấn giới thiệu việc làm; tạo điều kiện cho người lao động có nhiều cơ hội học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, từng bước hình thành đội ngũ nhân lực lành nghề trong tất cả các ngành và lĩnh vực.

3. Làm tốt công tác tuyên truyền để đào tạo nguồn lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu lao động của doanh nghiệp trong giai đoạn 2021-2025

Đây là nhiệm vụ quan trọng nhằm tạo sự chuyển biến cho cán bộ, nhân viên, người dân và các doanh nghiệp đối với hoạt động đào tạo nghề trình độ cao, góp phần tạo ra sự thay đổi tích cực trong vấn đề đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

IV. GIẢI PHÁP, TIẾN ĐỘ, KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp thực hiện Đề án

1.1. Nhóm giải pháp về chủ trương, chính sách về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách mà tỉnh đã ban hành, tập trung đề xuất xây dựng chính sách mới, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Tham mưu, trình Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành chính sách trong hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, chính sách giải quyết việc làm cho người đào tạo chất lượng cao là người tỉnh Vĩnh Phúc;

1.2. Nhóm giải pháp về tuyên truyền định hướng về đào tạo và tuyển dụng lao động

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh về vai trò, tầm quan trọng của phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong giáo dục nghề nghiệp đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tuyên truyền về chính sách của trung ương và của tỉnh về định hướng phân luồng học sinh THCS, THPT vào đào tạo nghề, đào tạo nhân lực chất lượng cao; tuyên truyền ngành nghề, lĩnh vực, vị trí có nhu cầu tuyển dụng lao động, lao động chất lượng cao và xuất khẩu lao động, các tiêu chuẩn tuyển dụng lao động, các chế độ đãi ngộ và công khai điều kiện để có được các cơ hội đào tạo, thăng tiến.

- Tăng cường giới thiệu các thành tựu phát triển kinh tế-xã hội, triển vọng phát triển của doanh nghiệp, của địa phương, mở rộng quảng bá hình ảnh về môi trường sống tốt và điều kiện làm việc thuận lợi; về những đối tượng thu hút có đóng góp thiết thực vào sự nghiệp phát triển của tỉnh.

1.3. Nhóm giải pháp về giáo dục nghề nghiệp

Thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành nghề đào tạo theo quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Chính phủ ban hành và định hướng phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025; tập trung đầu tư cho 1-2 cơ sở trọng điểm đạt chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao.

Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, tiếp nhận các chương trình tiên tiến của nước ngoài tại các cơ sở này; đầu tư cơ sở vật chất để phù hợp với chương trình đào tạo; thu hút các cán bộ giảng dạy có trình độ cao thuộc các lĩnh vực trọng điểm bằng các chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài của tỉnh.

Một số giải pháp khác cần thực hiện bao gồm:

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp rà soát cập nhật, bổ sung nội dung chương trình đào tạo nghề chất lượng cao bảo đảm đáp ứng yêu cầu năng lực nghề nghiệp của các doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chí về chương trình đào tạo chất lượng cao theo quy định tại Thông tư số 21/2018/TT-BLĐTBXH.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về đội ngũ, cơ sở vật chất, cơ chế chính sách để thực hiện thắng lợi chương trình giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết 29 của Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông, theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học. Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên tại các trường đào tạo nghề để nâng cao trình độ học sinh, sinh viên.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của một số cơ sở đào tạo có các ngành nghề trọng điểm mà doanh nghiệp có nhu cầu nhân lực cao.

- Đẩy nhanh xã hội hóa lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp bảo đảm cả về quy mô, chất lượng, tạo ra cơ cấu lao động hợp lý, theo đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng lao động trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế-xã hội; chú trọng đào tạo đội ngũ công nhân trình độ cao, lao động lành nghề cho các khu, cụm công nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn và xuất khẩu lao động. Đẩy mạnh các chương trình hợp tác, liên kết trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh;

- Thực hiện phân luồng học sinh sau THCS theo chỉ đạo của Chính phủ và Kế hoạch của UBND tỉnh, đến năm 2025 có 42% học sinh sau tốt nghiệp THCS tham gia học giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và ít nhất 50% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng.

- Triển khai xây dựng, đề xuất các chương trình cụ thể:

- + Xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề, đào tạo nghề chất lượng cao giai đoạn 2021-2025 theo mục tiêu của Đề án;

+ Khảo sát, đề xuất kế hoạch đầu tư trang thiết bị đào tạo, chuyển đổi số phục vụ công tác quản lý cho các trường cao đẳng thuộc tỉnh theo hướng hiện đại, đồng bộ để trở thành trường cao đẳng chất lượng cao.

+ Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh bồi dưỡng ngoại ngữ và kỹ năng nghề cho giáo viên, giảng viên dạy các nghề trọng điểm tiếp cận trình độ ASEAN và quốc tế;

+ Kế hoạch truyền thông về giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025, phổ biến chế độ chính sách đãi ngộ, thu hút nguồn lao động chất lượng cao;

+ Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để hỗ trợ học phí cho người học chương trình đào tạo nghề chất lượng cao trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh và chính sách cho người Vĩnh Phúc học chương trình chất lượng cao vay vốn học tập từ Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Vĩnh Phúc.

1.4. Nhóm giải pháp về tư vấn, dịch vụ và giải quyết việc làm

- Tiếp tục ban hành chính sách của tỉnh về hỗ trợ chi phí, hỗ trợ vay vốn trong giải quyết việc làm, từ đó khuyến khích, tạo điều kiện, giúp cho người lao động giảm được áp lực về kinh tế, có điều kiện đi làm việc ở nước ngoài hoặc tự tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống.

- Tập trung đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh, phù hợp với chức năng nhiệm vụ hoạt động của Trung tâm, là đơn vị hạt nhân làm đầu mối tổ chức sàn giao dịch việc làm; thực hiện tốt nhiệm vụ thu thập, phân tích, dự báo và cung cấp thông tin thị trường lao động đến với người lao động, người sử dụng lao động, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan Nhà nước có liên quan, để giải quyết việc làm cho người lao động.

- Đẩy mạnh, phát huy vai trò của các trung tâm dịch vụ giới thiệu việc làm trong việc kết nối với các doanh nghiệp từ việc dự báo nhu cầu và yêu cầu đào tạo nhân lực cũng như việc kết nối khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo tại các trường nghề chất lượng cao của tỉnh thông qua các chương trình như tài trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị thực hành thí nghiệm, cấp học bổng cho sinh viên, tham gia một số khâu của quá trình đào tạo.

1.5. Nhóm giải pháp về nguồn lực

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư, dành nguồn lực ngân sách đáng kể cho các cơ sở đào tạo chất lượng cao đạt chuẩn quy định.

- Huy động nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa, để đầu tư phát triển Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh có đủ năng lực hoạt động, tạo cơ hội cho người lao động, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp được tiếp cận thông tin thị trường lao động.

- Huy động và thu hút mọi nguồn lực trong và ngoài tỉnh vào việc đào tạo đội ngũ những người lao động có tay nghề cao; huy động các nguồn lực tài trợ của tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Tiến độ, lộ trình thực hiện Đề án

2.1. Giai đoạn 2021-2022

- Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để hỗ trợ học phí cho người học chương trình đào tạo nghề chất lượng cao trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh và chính sách cho người Vĩnh Phúc học chương trình chất lượng cao vay vốn học tập từ Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Vĩnh Phúc.

- Khảo sát, đề xuất kế hoạch đầu tư trang thiết bị đào tạo, chuyển đổi số phục vụ công tác quản lý cho các trường cao đẳng thuộc tỉnh theo hướng hiện đại, đồng bộ để trở thành trường chất lượng cao.

- Kế hoạch truyền thông về giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025, phổ biến chế độ chính sách đãi ngộ, thu hút nguồn lao động chất lượng cao;

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh bồi dưỡng ngoại ngữ và kỹ năng nghề cho giáo viên, giảng viên dạy các nghề trọng điểm tiếp cận trình độ ASEAN và quốc tế;

2.2. Giai đoạn 2023-2025:

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho 01-02 cơ sở dạy nghề chất lượng cao đạt chuẩn theo quy định.

- Tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ của tỉnh cho người học chương trình chất lượng cao; thu hút những giảng viên trình độ cao để làm việc tại các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao đã được quy hoạch.

- Tổ chức đánh giá, sơ kết việc thực hiện Đề án giai đoạn 2021-2025.

2.3. Đến năm 2030

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho cơ sở dạy nghề chất lượng cao đã đạt chuẩn.

- Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm mới đảm bảo về số lượng, chất lượng, đáp ứng tốt yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tạo lợi thế để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh bền vững; đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3. Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025

Dự kiến giai đoạn 2021-2025 kinh phí **209.297.000.000 đồng**. Trong đó:

- Cho người Vĩnh Phúc vay trang trải chi phí học trình độ cao đẳng chương trình đào tạo nghề chất lượng cao; thời gian cho vay theo thời gian học thực tế nhưng không quá 30 tháng/khóa học, không quá 10 tháng/năm học; mức cho vay tối đa bằng mức Chính phủ quy định cho vay đối với học sinh, sinh viên theo từng thời kỳ (mức vay hiện tại là 2,5 triệu đồng/tháng/HSSV theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 1656/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức cho vay đối với học sinh, sinh viên); mức lãi suất bằng mức lãi xuất vay vốn đối với hộ nghèo.

Dự kiến kinh phí ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho người học chương trình chất lượng cao vay: **160.325.000.000 đồng**.

- Kinh phí dự kiến hỗ trợ người học chương trình chất lượng cao trình độ cao đẳng, mức hỗ trợ 800 nghìn đồng/người/tháng: **48.972.000.000 đồng**

(Có phụ lục số 08 kèm theo)

PHẦN IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Sở Lao động - TB&XH

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan, UBND cấp huyện tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Đề án này; chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện Đề án;

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành tham mưu, trình Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chủ trương, chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao và thu hút người học giáo dục nghề nghiệp;

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025; tích cực, chủ động triển khai xây dựng, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo lao động đại trà vào đào tạo chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và xuất khẩu lao động;

- Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, đổi mới trong công tác cung ứng lao động thông qua các phiên giao dịch việc làm. Xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, đồng bộ; mở các điểm Văn phòng đại diện tại các huyện, thành phố, khu công nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh, để từng bước đưa Trung tâm đáp ứng yêu cầu là đơn vị đầu mối tổ chức sàn giao dịch việc làm; tổng hợp, lưu trữ, phân tích, dự báo, cung cấp thông tin thị trường lao động, làm cơ sở hoạch định các chính sách về kinh tế, xã hội...

- Tăng cường công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ nhân lực làm công tác dịch vụ việc làm, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động và hội nhập quốc tế.

- Tham mưu ban hành chính sách của tỉnh về hỗ trợ chi phí, hỗ trợ vay vốn trong giải quyết việc làm, từ đó khuyến khích, tạo điều kiện, giúp cho người lao động giảm được áp lực về kinh tế, có điều kiện đi làm việc ở nước ngoài hoặc tự tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống.

- Tổ chức điều tra, tổng hợp nhu cầu tuyển dụng lao động ở các trình độ đào tạo của doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp;

- Tăng cường công tác quản lý thanh tra, kiểm tra hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật;

- Định kỳ theo dõi tổng hợp báo cáo các nội dung của đề án, tham mưu UBND tỉnh sơ kết đề án giai đoạn 2021-2025.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp Sở Lao động - TB&XH và các đơn vị liên quan tham mưu, báo cáo UBND tỉnh cân đối ngân sách tỉnh và nguồn trung ương đảm bảo theo đúng quy định.

- Nghiên cứu đề xuất với UBND tỉnh giao, nâng mức tự chủ chi thường xuyên để nâng cao tính linh hoạt trong hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc tỉnh; hướng dẫn việc thanh, quyết toán triển khai thực hiện Đề án

- Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra theo chức năng nhiệm vụ đảm bảo sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích và theo đúng quy định hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh cân đối vốn cho các nhiệm vụ thuộc đối tượng đầu tư công và thuộc trách nhiệm quản lý, đầu tư cấp tỉnh theo quy định để triển khai theo đúng quy định.

- Cung cấp nhu cầu sử dụng lao động đối với doanh nghiệp đăng ký hoạt và được cấp phép đầu tư vào tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành các chính sách để phát triển ổn định hệ thống giáo dục phổ thông; xây dựng kế hoạch phân luồng học sinh sau THCS và THPT vào học các trình độ giáo dục nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội theo Kế hoạch số 137/KH-UBND của UBND tỉnh ngày 21/8/2019.

- Triển khai thực hiện Đề án phát triển giáo dục Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

5. Ban Quản lý các khu công nghiệp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị tổ chức điều tra, tổng hợp nhu cầu tuyển dụng, bồi dưỡng lao động ở các trình độ đào tạo của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, phối hợp với Sở Lao động - TB&XH để đặt hàng đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp.

6. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh - cơ quan thường trực Ban Điều phối thực hiện Chương trình kết nối giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc đào tạo, tuyển dụng, sử dụng lao động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là Ban Điều phối tỉnh kết nối doanh nghiệp và nhà trường) phối hợp Sở Lao động, Thương binh và xã hội tuyên truyền, phổ biến Đề án; lồng ghép thực hiện nhiệm vụ của Ban Điều phối với các giải pháp thực hiện Đề án.

7. Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc

- Chủ trì phối hợp với Sở Lao động TB&XH, các Sở, ngành, địa phương liên quan báo cáo, tham mưu, đề xuất HĐND, UBND tỉnh ưu tiên bố trí vốn từ ngân sách tỉnh để thực hiện Đề án.

- Hướng dẫn quy trình, thủ tục vay vốn, quản lý, sử dụng, phát huy hiệu quả của nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho tỉnh.

8. Các Sở, ban ngành, đoàn thể

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Sở Lao động - TB&XH tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án.

9. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Vĩnh Phúc, cổng Thông tin giao tiếp điện tử

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thông tin, tuyên truyền về công tác giáo dục nghề nghiệp, GQVL của Đề án này.

10. UBND cấp huyện

- Chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao, đẩy mạnh hoạt động đào tạo nghề, đào tạo nghề chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương; tích cực, chủ động phối hợp với doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để tổ chức đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trên địa bàn, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

11. Các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện về giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 534/QĐ-LĐTBXH ngày 07/5/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành kế hoạch truyền thông về giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025;

- Chủ động nắm bắt nhu cầu đào tạo của xã hội, nhu cầu sử dụng lao động để cập nhật, cải tiến nội dung chương trình và phương pháp đào tạo gắn với thực tiễn của các đơn vị sử dụng lao động đem lại cho người học những kỹ năng yêu cầu cơ bản về kỹ năng sống và kiến thức cơ bản, tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi với các yêu cầu công việc để tránh nguy cơ bị đào thải. Đổi mới các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học trong giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên;

- Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, kỹ năng nghề theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực của người học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học; biên soạn, số hóa chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh liên kết đào tạo, đào tạo theo địa chỉ; xây dựng và nhận chuyển giao các chương trình đào tạo tiên tiến/chương trình chuẩn quốc gia của các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong nước; tăng cường hợp tác quốc tế, tiếp nhận và vận dụng có chọn lọc một số chương trình tiên tiến của các nước vào đào tạo nghề nghiệp;

- Chủ động phối hợp với cơ sở có chức năng giới thiệu việc làm và doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để ký kết hợp tác trong đào tạo và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên, nhất là sinh viên đào tạo theo chương trình CLC.

12. Trung tâm Dịch vụ việc làm và doanh nghiệp có chức năng giới thiệu việc làm

- Trung tâm Dịch vụ việc làm; Trung tâm dịch vụ việc làm thanh niên và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm thường xuyên kết nối, phối hợp với doanh nghiệp và là địa chỉ tin cậy về tuyển dụng, cung ứng lao động cho doanh nghiệp;

- Chủ động liên hệ với các doanh nghiệp để có nhu cầu tuyển dụng, ký kết hợp đồng cung ứng lao động giữa Trung tâm DVVL, doanh nghiệp có chức năng giới thiệu việc làm và doanh nghiệp đảm bảo đúng số lượng, chất lượng theo yêu cầu của doanh nghiệp.

- Triển khai ký hợp tác giữa Trung tâm DVVL tỉnh với cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tư vấn, giới thiệu việc làm cho HSSV tốt nghiệp vào doanh

nghiệp theo nhu cầu vị trí việc làm của doanh nghiệp và đưa lao động người Vĩnh Phúc tham gia xuất khẩu lao động;

- Duy trì tổ chức sàn giao dịch việc làm thường xuyên định kỳ tại Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh và các phiên giao dịch việc làm lưu động; đẩy mạnh việc tổ chức sàn giao dịch việc làm tại các khu công nghiệp và cơ sở GDNN trên địa bàn.

13. Chế độ báo cáo:

- Báo cáo định kỳ: Hàng năm, trước ngày 31/12, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan báo cáo kết quả thực hiện Đề án về Sở Lao động - TB&XH, để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Báo cáo đột xuất: Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan báo cáo khi cơ quan quản lý yêu cầu.

Trong quá trình thực hiện Đề án, nếu gặp khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh (*qua Sở Lao động - TB&XH*), để xem xét, chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung Đề án khi cần thiết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Việt Văn